

Bản án số: 407/2023/DS-PT

Ngày: 05-4-2023

V/v: Tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lại Huỳnh Tú**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Đình Đức**

2. Bà **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2023/TLPT-DS ngày 03/02/2023 về việc “Tranh chấp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 461/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 642/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông LTB, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: 33/3D ấp XTĐ 2, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông LQD, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: 456 CL, phường BTĐ A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Bà LTHN, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: B68/3 ấp MH 2, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Bà NTHD, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: 48/4A ấp MH, xã TC, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Bà NTH, sinh năm 1985; (có mặt ngày 31/3/2023, vắng mặt ngày

05/4/2023)

Địa chỉ: E2/28B Khu phố 5, thị trấn C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Ông NVH, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: G31 ấp MH 4, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.7. Bà LTTH, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: 77/1 PVK, Phường 2, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8. Ông DTV, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: 6/6G ấp HL, xã BD, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, bà LTTH và ông DTV gồm có:

- Ông LTB, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: 33/3D ấp XTĐ 2, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông LQD, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: 456 CL, phường BTĐ A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 008286 lập ngày 19/10/2021 và Giấy ủy quyền số 002578 lập ngày 04/3/2022 tại Văn phòng công chứng LTNH)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư TMT, thuộc Công ty Luật TNHH Ocean Stars Lawyers – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà NTMN, sinh năm 1969; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 17/1 Khu phố 8, thị trấn M, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông BPT, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: A804, Chung cư C4, đường MT, phường HP, thành phố M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 010879 lập ngày 23/10/2021 tại Văn phòng công chứng DTCT)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà TTTH, sinh năm 1972; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1/93E ấp K, xã TX, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông T3, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: 17/1 Khu phố 8, thị trấn M, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà NTHM, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: 33/3D ấp XTĐ 2, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà NTHN, sinh năm 2000; (vắng mặt)

Địa chỉ: 456 CL, phường BTĐ A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông TTS, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: B68/3 ấp MH 2, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông TMQ, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: 48/4A ấp MH, xã TC, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ông BTT, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: E2/28B Khu phố 5, thị trấn C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Bà TTMD, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: G31 ấp MH 4, xã Ấp XTĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Ông A.B.A, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: 77/1 Phan Văn Khỏe, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10. Bà HTN, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: 6/6G ấp HL, xã BĐ, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo:

4.1 Bà NTMN, sinh năm 1969 – Bị đơn.

4.2 Bà TTTH, sinh năm 1972 – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn Ông LTB trình bày:

Năm 2021, Ông LTB có tham gia một dây hội do Bà NTMN làm chủ hội. Đây là dây hội có lãi và hội hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hội là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hội, mỗi kỳ mở hội vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hội đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hội cuối cùng là tháng 12 Âm lịch.

Dây hội hoạt động theo nguyên tắc do bà NTMN đặt ra như sau:

- Giá trị một phần hội là 10.000.000đồng và không giới hạn số phần hội mà mỗi người chơi muốn đăng ký. Khi tới kỳ, người chơi muốn lĩnh hội phải thông báo với bà NTMN và bà NTMN sẽ quyết định người đó có được lĩnh hội hay không.

- Mức lãi trong từng kỳ mở hội (còn gọi là tiền bỏ hội) do bà NTMN ấn định. Cụ thể như sau: kỳ 1 (tháng 1 Âm lịch) mức lãi là 2.000.000đồng; kỳ 2 (tháng 2 Âm lịch) mức lãi là 1.800.000đồng; kỳ 3 (tháng 3 Âm lịch) mức lãi là 1.600.000đồng; kỳ 4 (tháng 4 Âm lịch) mức lãi là 1.400.000đồng; kỳ 5 (tháng 5

Âm lịch) mức lãi là 1.300.000đồng; kỳ 6 (tháng 6 Âm lịch) mức lãi là 1.200.000đồng; kỳ 7 (tháng 7 Âm lịch) mức lãi là 1.050.000đồng; kỳ 8 (tháng 8 Âm lịch) mức lãi là 1.000.000đồng; kỳ 9 (tháng 9 Âm lịch) mức lãi là 900.000đồng; kỳ 10 (tháng 10 Âm lịch) mức lãi là 800.000đồng; kỳ 11 (tháng 11 Âm lịch) mức lãi là 700.000đồng; kỳ 12 (tháng 12 Âm lịch) mức lãi là 600.000đồng.

- Số tiền hội phải đóng cho bà NTMN trong mỗi kỳ mở hội được tính bằng số tiền một phần hội (10.000.000đồng) trừ tiền lãi của mỗi kỳ, người nào đăng ký bao nhiêu phần hội thì đóng số tiền tương ứng.

Số phần hội ông LTB đăng ký tham gia là 29 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ ông LTB đã đồng hội cho bà NTMN là 08 kỳ tương đương số tiền 1.986.500.000đồng và ông LTB chưa được lĩnh hội. Tất cả tiền hội ông LTB đều đóng cho bà NTMN bằng tiền mặt giao trực tiếp tại vựa G24 Thảo Nương của bà NTMN tại Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm A vào ngày 10 Âm lịch hàng tháng, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 29 phần = 232.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/02/2021.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 29 phần = 237.800.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 22/3/2021.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 29 phần = 243.600.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/4/2021.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 29 phần = 249.400.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/5/2021.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 29 phần = 252.300.000đồng, tuy nhiên ông LTB chỉ đóng cho bà NTMN số tiền 252.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/6/2021.

- Kỳ 6: 8.800.000đồng x 29 phần = 255.200.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/7/2021.

- Kỳ 7: 8.950.000đồng x 29 phần = 259.550.000đồng, tuy nhiên ông LTB chỉ đóng cho bà NTMN số tiền 255.500.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 17/8/2021.

- Kỳ 8: 9.000.000đồng x 29 phần = 261.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 16/9/2021.

Khoảng tháng 6/2021, bà NTMN đã bắt đầu tìm nhiều lý do như dịch bệnh khó khăn, đã dùng dây hội để từ chối, không cho lĩnh hội đối với những người đăng ký lĩnh hội, còn những người chưa muốn lĩnh hội thì bà NTMN không thông báo gì, ai đóng hội vẫn nhận tiền bình thường.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hội của bà NTMN, ông LTB không biết dây hội này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người

chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hội thì qua tìm hiểu ông LTB mới biết cùng chơi dây hội này với ông LTB còn có ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hội. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay ông LTB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho ông LTB tổng số tiền hội mà ông LTB đã đóng cho bà NTMN là 1.986.500.000đồng, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông LTB đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của bà NTMN theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 13/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A cho đến khi sự việc được giải quyết bằng quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ông không yêu cầu chồng bà NTMN là ông T3 trả số tiền hội vì ông tham gia và đóng hội với cá nhân bà NTMN.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn ông LQD trình bày:

Năm 2021, ông LQD có tham gia một dây hội do bà NTMN làm chủ hội. Đây là dây hội có lãi và hội hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hội là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hội, mỗi kỳ mở hội vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hội đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hội cuối cùng là tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hội do bà NTMN đặt ra đúng như phần trình bày của nguyên đơn ông LTB.

Số phần hội ông LQD đăng ký tham gia là 08 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ ông LQD đã đóng hội cho bà NTMN là 08 kỳ tương đương số tiền 549.200.000đồng và ông LQD chưa được lĩnh hội. Tất cả tiền hội ông LQD đều đóng cho bà NTMN bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà NTMN, số tài khoản: 192691729 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch A, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 08 phần = 64.000.000đồng, đóng vào ngày 24/02/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 02243282000046 ngày 21/02/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 08 phần = 65.600.000đồng, đóng vào ngày 22/3/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 03223282000297 ngày 22/3/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 08 phần = 67.200.000đồng, đóng vào ngày 24/4/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 04243282000071 ngày 24/4/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 08 phần = 68.800.000đồng, đóng vào ngày 21/5/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 05213282000156 ngày 21/5/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 08 phần = 69.600.000đồng, đóng vào ngày 19/6/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 06193282000149 ngày 19/6/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 06: 8.800.000đồng x 08 phần = 70.400.000đồng, đóng vào ngày 28/7/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 07283282000396 ngày 28/7/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 7: 8.950.000đồng x 08 phần = 71.600.000đồng, đóng vào ngày 23/8/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 08233282000702 ngày 23/8/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 8: 9.000.000đồng x 08 phần = 72.000.000đồng, đóng vào ngày 21/9/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 09213282000536 ngày 21/9/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

Khoảng tháng 6/2021, bà NTMN đã bắt đầu tìm nhiều lý do như dịch bệnh khó khăn, đã dừng dây hụi để từ chối, không cho lĩnh hụi đối với những người đăng ký lĩnh hụi, còn những người chưa muốn lĩnh hụi thì bà NTMN không thông báo gì, ai đóng hụi bà NTMN vẫn nhận tiền bình thường.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hụi của bà NTMN, ông LTB không biết dây hụi này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hụi thì qua tìm hiểu ông LQD mới biết cùng chơi dây hụi này còn có Ông LTB, Bà LTHN, Bà NTHD, Bà NTH, Ông NVH, Bà LTTH và Ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hụi. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay ông LQD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho ông LQD số tiền hụi mà ông LQD đã đóng cho bà NTMN là 549.200.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông LQD đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của bà NTMN theo Quyết định

áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 13/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A cho đến khi sự việc được giải quyết bằng quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ông không yêu cầu chồng bà NTMN là Ông T3 trả số tiền hội vì ông tham gia và đóng hội với cá nhân bà NTMN.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn bà LTHN có người đại diện theo ủy quyền là ông LTB và ông LQD trình bày:

Năm 2021, Bà LTHN có tham gia một dây hội do bà NTMN làm chủ hội. Đây là dây hội có lãi và hội hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hội là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hội, mỗi kỳ mở hội vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hội đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hội cuối cùng là tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hội do bà NTMN đặt ra đúng như phân trình bày của nguyên đơn ông LTB.

Số phần hội mà bà LTHN đăng ký tham gia là 30 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ bà LTHN đã đóng hội cho bà NTMN là 08 kỳ tương đương số tiền 2.059.000.000đồng và bà LTHN chưa được lĩnh hội. Tiền hội bà LTHN đóng cho bà NTMN bằng tiền mặt giao trực tiếp tại vừa G24 Thảo Nương của bà NTMN tại Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm A hoặc đóng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà NTMN, số tài khoản: 192691729 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch A, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 30 phần = 240.000.000đồng, đóng vào ngày 23/02/2021, trong đó: bà LTHN đóng bằng hình thức chuyển khoản cho bà NTMN số tiền 200.000.000đồng, còn lại số tiền 40.000.000đồng thì đóng tiền mặt tại vừa của bà NTMN cùng ngày.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 30 phần = 246.000.000đồng, đóng vào ngày 22/3/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “LTHN Bi dong hui ki 2” tại Trang 01 của Bảng chi tiết giao dịch tài khoản từ ngày 22/3/2021 đến ngày 12/10/2021 - Khách hàng LTHN do Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 30 phần = 252.000.000đồng, đóng vào ngày 20/4/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “Nga dong hui chi nuong ki 3” tại Trang 04 của Bảng chi tiết giao dịch tài khoản từ ngày 22/3/2021 đến ngày 12/10/2021 - Khách hàng LTHN do Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 30 phần = 258.000.000đồng, đóng vào ngày 21/5/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “A30 GUi NUong ki 4” tại Trang 09 của Bảng chi tiết giao dịch tài khoản từ ngày 22/3/2021 đến ngày 12/10/2021 - Khách hàng LTHN của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 30 phần = 261.000.000đồng, đóng vào ngày 19/6/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 06193282000149 ngày 19/6/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 6: 8.800.000đồng x 30 phần = 264.000.000đồng, đóng vào ngày 19/7/2021 bằng hình thức chuyển khoản theo Chứng từ giao dịch số: 07193282000804 ngày 19/7/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp.

- Kỳ 7: 8.950.000đồng x 30 phần = 268.500.000đồng, đóng vào ngày 17/8/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “A30 GUI chi Nuong Hui” tại Trang 15 của Bảng chi tiết giao dịch tài khoản từ ngày 22/3/2021 đến ngày 12/10/2021 - Khách hàng LTHN do Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 8: 9.000.000đồng x 30 phần = 270.000.000đồng, đóng vào ngày 17/9/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “A30 GUI NUong tien hui ki 8” tại Trang 18 của Bảng chi tiết giao dịch tài khoản từ ngày 22/3/2021 đến ngày 12/10/2021 - Khách hàng LTHN do Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn cấp ngày 13/10/2021.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hui của bà NTMN, bà LTHN không biết dây hui này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hui thì qua tìm hiểu bà LTHN mới biết cùng chơi dây hui này còn có ông LTB, ông LQD, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hui. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay bà LTHN yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho bà LTHN số tiền hui mà bà LTHN đã đóng cho bà NTMN là 2.059.000.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu chồng bà NTMN là ông T3 trả số tiền hui vì bà tham gia và đóng hui với cá nhân bà NTMN.

Bà thống nhất với các nguyên đơn còn lại đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Bà NTMN.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn Bà NTHD có người đại diện theo ủy quyền là ông LTB và ông LQD trình bày:

Năm 2021, bà NTHD có tham gia một dây hui do bà NTMN làm chủ hui. Đây là dây hui có lãi và hui hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hui là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hui, mỗi kỳ mở hui vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hui đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hui cuối cùng là

tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hui do bà NTMN đặt ra đúng như phần trình bày của nguyên đơn Ông LTB.

Số phần hui mà bà NTHD đăng ký tham gia là 03 phần, mỗi phần hui là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ bà NTHD đã đóng hui cho bà NTMN là 07 kỳ tương đương số tiền 179.400.000đồng và bà NTHD chưa được lĩnh hui. Tiền hui bà NTHD đóng cho bà NTMN bằng tiền mặt giao trực tiếp tại vựa G24 của bà NTMN tại Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm A hoặc đóng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà NTMN, số tài khoản: 192691729 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch A, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 03 phần = 24.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/02/2021.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 03 phần = 24.600.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 22/3/2021.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 03 phần = 25.200.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/4/2021.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 03 phần = 25.800.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/5/2021.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 03 phần = 26.100.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/6/2021.

- Kỳ 6: 8.800.000đồng x 03 phần = 26.400.000đồng, tuy nhiên bà NTHD đã nhờ chồng là ông TMQ đóng thay bằng hình thức chuyển khoản cho bà NTMN số tiền 26.700.000đồng (ông TMQ chuyển dư 300.000đồng) vào ngày 21/7/2021 tại Trang 01 của Sao kê tài khoản từ ngày 21/7/2021 đến ngày 17/9/2021 của ông TMQ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 7: 8.950.000đồng x 03 phần = 26.850.000đồng, tuy nhiên bà NTHD đã nhờ chồng là ông TMQ đóng thay bằng hình thức chuyển khoản cho bà NTMN số tiền 27.000.000đồng (ông Quang chuyển dư 150.000đồng) vào ngày 17/9/2021 tại Trang 03 của Sao kê tài khoản từ ngày 21/7/2021 đến ngày 17/9/2021 của ông TMQ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam cấp ngày 13/10/2021.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hui của bà NTMN, bà NTHD không biết dây hui này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hui thì qua tìm hiểu bà NTHD mới biết cùng chơi dây hui này còn có ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hui. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay bà NTHD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho bà NTHD số tiền hui mà bà NTHD đã đóng cho bà NTMN là 179.400.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà không yêu cầu chồng bà NTMN là ông T3 trả số tiền hui vì bà tham gia và đóng hui với cá nhân bà NTMN.

Bà thống nhất với các nguyên đơn còn lại đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của bà NTMN.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn bà NTH có người đại diện theo ủy quyền là ông LTB và ông LQD trình bày:

Năm 2021, Bà NTH có tham gia một dây hui do bà NTMN làm chủ hui. Đây là dây hui có lãi và hui hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hui là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hui, mỗi kỳ mở hui vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hui đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hui cuối cùng là tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hui do bà NTMN đặt ra đúng như phần trình bày của nguyên đơn Ông LTB.

Số phần hui mà bà NTH đăng ký tham gia là 04 phần, mỗi phần hui là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ bà NTH đã đóng hui cho bà NTMN là 06 kỳ. Trong 04 phần hui bà NTH đăng ký tham gia thì bà NTH đã lĩnh 01 phần vào kỳ mở hui thứ 3, số phần hui chưa lĩnh là 03 phần. Tất cả tiền hui bà NTH đóng cho bà NTMN bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà NTMN, số tài khoản: 192691729 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch A, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 04 phần = 32.000.000đồng, đóng vào ngày 03/3/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NTH 10 TU CHUYEN TIEN HUI CHI NTMN” tại Trang 01 của Bảng kê giao dịch từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/10/2021 của Bà NTH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 04 phần = 32.800.000đồng, tuy nhiên bà NTH tính nhầm thành số tiền 34.800.000đồng và đóng vào ngày 27/3/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NTH 10 TU CHUYEN TIEN HUI CHI NTMN” tại Trang 03 của Bảng kê giao dịch từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/10/2021 của Bà NTH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 3: Bà NTH lĩnh 01 phần hui với tổng số tiền 67.400.000đồng vào ngày 24/4/2021 bằng hình thức chuyển khoản từ bà NTMN với nội dung “NTMN GUI TIEN HUI” tại Trang 05 của Bảng kê giao dịch từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/10/2021 của Bà NTH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

Số tiền lĩnh hội được tính như sau: [20.000.000đồng (tiền lĩnh hội kỳ 1, kỳ 2) + 8.400.000đồng x 9 (số tiền lĩnh hội 9 kỳ)] - 3.000.000 đồng (tiền hoa hồng chủ hội) - 25.200.000đồng (tiền hội 03 phần còn phải đóng kỳ 3) = 67.400.000 đồng.

- Kỳ 4: 10.000.000đồng + (8.600.000đồng x 03 phần) = 35.800.000đồng, đóng vào ngày 24/5/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NGUYỄN THỊ HUE 10 TU CHUYEN TIEN CHO CHI HUI CHI NUONG” tại Trang 08 của Bảng kê giao dịch từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/10/2021 của Bà NTH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 5: 10.000.000đồng + (8.700.000đồng x 03 phần) = 36.100.000đồng, tuy nhiên bà NTH đóng trễ nên thành số tiền 36.400.000đồng (chuyển dư 300.000 đồng xem như tiền lãi gửi cho bà NTMN) và đóng vào ngày 05/7/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NTH 10 TU NTMN HUI KY THU 5” tại Trang 11 của Bảng kê giao dịch từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/10/2021 của Bà NTH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 6: 10.000.000đồng + (8.800.000đồng x 03 phần) = 36.400.000đồng, tuy nhiên bà NTH đóng trễ nên thành số tiền 36.700.000đồng (chuyển dư 300.000 đồng xem như tiền lãi gửi cho bà NTMN) và đóng vào ngày 05/8/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NTH 10 TU CHUYEN TIEN HUI CHI NTMN CAM ON CHI” tại Trang 15 của Bảng kê giao dịch từ ngày 01/3/2021 đến ngày 12/10/2021 của bà NTH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hội của bà NTMN, bà NTH không biết dây hội này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hội thì qua tìm hiểu bà NTH mới biết cùng chơi dây hội này còn có ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hội. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tổng cộng số tiền hội bà NTH đã đóng cho bà NTMN là 175.700.000đồng - 67.400.000đồng = 108.300.000đồng. Đối với số tiền 2.000.000đồng là tiền bà NTH đã tính nhầm và đóng vào kỳ 2 cho bà NTMN, do tại thời điểm khởi kiện bà NTH chưa nhận được sao kê Ngân hàng nên bà NTH không biết có sự nhầm lẫn này.

Nay Bà NTH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà NTMN phải trả cho Bà NTH số tiền hội mà bà NTH đã đóng cho bà NTMN là 106.300.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà NTH xác định không bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Bà không yêu cầu chồng bà NTMN là Ông T3 trả số tiền hội vì bà tham gia và đóng hội với cá nhân bà NTMN.

Bà thống nhất với các nguyên đơn còn lại đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Bà NTMN.

Theo đơn khởi bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn ông NVH có người đại diện theo ủy quyền là ông LTB trình bày:

Năm 2021, ông NVH có tham gia một dây hui do bà NTMN làm chủ hui. Đây là dây hui có lãi và hui hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hui là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hui, mỗi kỳ mở hui vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hui đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hui cuối cùng là tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hui do bà NTMN đặt ra đúng như phần trình bày của nguyên đơn ông LTB.

Số phần hui mà ông NVH đăng ký tham gia là 03 phần, mỗi phần hui là 10.000.000 đồng. Tổng số kỳ ông NVH đã đóng hui cho bà NTMN là 07 kỳ và ông NVH chưa được lĩnh hui. Tiền hui ông NVH đóng cho bà NTMN bằng tiền mặt giao trực tiếp tại vựa G24 của bà NTMN tại Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm A hoặc đóng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà NTMN, số tài khoản: 192691729 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Phòng giao dịch A, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 03 phần = 24.000.000 đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/02/2021.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 03 phần = 24.600.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 22/3/2021.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 03 phần = 25.200.000đồng, đóng vào ngày 24/4/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NVH CK TIEN HUI KY 3” theo Bảng kê giao dịch ngày 22/4/2021 của ông NVH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 03 phần = 25.800.000đồng, đóng vào ngày 21/5/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NVH CHUYỀN TIEN HUI DOT 4” theo Bảng kê giao dịch ngày 21/5/2021 của Ông NVH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 03 phần = 26.100.000đồng, đóng vào ngày 21/6/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NVH THI CH TIEN HUI” theo Bảng kê giao dịch từ ngày 21/6/2021 của Ông NVH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 6: 8.800.000đồng x 03 phần = 26.400.000 đồng, đóng vào ngày 21/7/2021 bằng hình thức chuyển khoản với nội dung “NVH THI A22 CK TIEN HUI CHI NTMN” theo Bảng kê giao dịch từ ngày 21/7/2021 của ông NVH do Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu cấp ngày 13/10/2021.

- Kỳ 7: 8.950.000đồng x 03 phần = 26.850.000đồng, tuy nhiên ông NVH chỉ đóng cho bà NTMN số tiền 26.800.000đồng, đóng vào ngày 18/8/2021 bằng

hình thức chuyển khoản với nội dung “NVH THI CHUYEN TIEN HUI” theo Bảng kê giao dịch từ ngày 18/8/2021 của ông NVH do Ngân hàng Thương mại cổ phần A Châu cấp ngày 13/10/2021.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hội của bà NTMN, bà NTH không biết dây hội này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hội thì qua tìm hiểu bà NTH mới biết cùng chơi dây hội này còn có ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hội. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tổng cộng số tiền hội ông NVH đã đóng cho bà NTMN là 178.900.000đồng. Do tại thời điểm khởi kiện ông NVH chưa nhận được sao kê Ngân hàng nên không biết chính xác số tiền đã đóng cho bà NTMN tổng cộng là bao nhiêu.

Nay ông NVH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho ông NVH số tiền hội mà ông NVH đã đóng cho bà NTMN là 150.000.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông NVH xác định không bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Ông không yêu cầu chồng bà NTMN là Ông T3 trả số tiền hội vì bà tham gia và đóng hội với cá nhân bà NTMN.

Ông thống nhất với các nguyên đơn còn lại đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của bà NTMN.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn bà LTTH có người đại diện theo ủy quyền là ông LTB và ông LQD trình bày:

Năm 2021, Bà LTTH có tham gia một dây hội do bà NTMN làm chủ hội. Đây là dây hội có lãi và hội hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hội là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hội, mỗi kỳ mở hội vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hội đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hội cuối cùng là tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hội do bà NTMN đặt ra đúng như phần trình bày của nguyên đơn ông LTB.

Số phần hội mà bà LTTH đăng ký tham gia là 04 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ bà LTTH đã đóng hội cho bà NTMN là 08 kỳ tương đương số tiền 272.800.000đồng và bà LTTH chưa được lĩnh hội. Tất cả tiền hội bà LTTH đóng cho bà NTMN bằng tiền mặt giao trực tiếp tại vỉa G24 của bà NTMN tại Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm A, cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 04 phần = 32.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vỉa của bà NTMN vào ngày 21/02/2021.

- Kỳ 2: 8.200.000đồng x 04 phần = 32.800.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 22/3/2021.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 04 phần = 33.600.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/4/2021.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 04 phần = 34.400.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/5/2021.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 04 phần = 34.800.000đồng, tuy nhiên bà LTTH tính nhầm thành số tiền 33.000.000 đồng và đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/6/2021.

- Kỳ 6: 8.800.000đồng x 04 phần = 35.200.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/7/2021.

- Kỳ 7: 8.950.000đồng x 04 phần = 35.800.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 17/8/2021.

- Kỳ 8: 9.000.000đồng x 04 phần = 36.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 16/9/2021.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hụi của bà NTMN, bà LTTH không biết dây hụi này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hụi thì qua tìm hiểu bà LTTH mới biết cùng chơi dây hụi này còn có ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hụi. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay bà LTTH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho bà LTTH số tiền hụi mà bà LTTH đã đóng cho bà NTMN là 272.800.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà không yêu cầu chồng bà NTMN là ông T3 trả số tiền hụi vì bà tham gia và đóng hụi với cá nhân bà NTMN,

Bà thống nhất với các nguyên đơn còn lại đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của bà NTMN.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn ông DTV có người đại diện theo ủy quyền là ông LTB và ông LQD trình bày:

Năm 2021, Ông DTV có tham gia một dây hụi do bà NTMN làm chủ hụi. Đây là dây hụi có lãi và hụi hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hụi là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hụi, mỗi kỳ mở hụi vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hụi đầu tiên là tháng 01 Âm lịch, kỳ mở hụi cuối cùng là tháng 12 Âm lịch. Nguyên tắc hoạt động của dây hụi do bà NTMN đặt ra đúng như phần trình bày của nguyên đơn ông LTB.

Số phần hội mà ông DTV đăng ký tham gia là 03 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng. Tổng số kỳ ông DTV đã đóng hội cho bà NTMN là 06 kỳ tương đương số tiền 135.000.000đồng và ông DTV chưa được lĩnh hội. Tất cả tiền hội ông DTV đóng cho bà NTMN bằng tiền mặt giao trực tiếp tại vựa G24 Thảo Nương của bà NTMN tại Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm A , cụ thể:

- Kỳ 1: 8.000.000đồng x 03 phần = 24.000.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/02/2021.

- Kỳ 2: 8.200.000 đồng x 03 phần = 24.600.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 22/3/2021.

- Kỳ 3: 8.400.000đồng x 03 phần = 25.200.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/4/2021.

- Kỳ 4: 8.600.000đồng x 03 phần = 25.800.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 21/5/2021.

- Kỳ 5: 8.700.000đồng x 03 phần = 26.100.000đồng, đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/6/2021.

- Kỳ 6: 8.800.000đồng x 03 phần = 26.400.000đồng, tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên ông DTV chỉ mới đóng số tiền 9.300.000đồng và đóng tiền mặt tại vựa của bà NTMN vào ngày 19/7/2021.

Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi. Khi tham gia dây hội của bà NTMN, bà LTTH không biết dây hội này có tất cả bao nhiêu người chơi hay mỗi người chơi bao nhiêu phần. Chỉ đến khi bà NTMN cắt đứt liên lạc, không thanh toán hội thì qua tìm hiểu bà LTTH mới biết cùng chơi dây hội này còn có ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cũng đóng tiền cho bà NTMN nhưng chưa được lĩnh hội. Do đó, các ông bà đã cùng khởi kiện bà NTMN ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nay ông DTV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTMN phải trả cho ông DTV số tiền hội mà ông DTV đã đóng cho bà NTMN là 135.000.000đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông không yêu cầu chồng bà NTMN là ông T3 trả số tiền hội vì bà tham gia và đóng hội với cá nhân bà NTMN.

Ông thống nhất với các nguyên đơn còn lại đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của bà NTMN.

Theo bản ý kiến, bản tự khai và bản tự khai bổ sung bị đơn Bà NTMN trình bày:

Tại bản ý kiến đề ngày 02/11/2021, Bà NTMN khai: Các ông, bà gồm: LTB, LQD, LTHN, NTHD, NTH, NVH, LTTH, DTV là các thành viên, có tham gia dây hội do bà NTMN làm chủ hội và bà NTMN thừa nhận là mình có thiếu nợ tiền hội của những người này, nhưng số tiền chính xác bao nhiêu thì

tạm thời chưa nhớ được. Hiện nay sức khỏe của bà NTMN rất yếu do vừa nhiễm Covid, mới điều trị khỏi thì lại bị ngộ độc thuốc diệt cỏ phải cấp cứu tại bệnh viện.

Bà NTMN đề nghị Tòa án cho bà NTMN một thời gian để khi sức khỏe được tốt hơn, tinh thần ổn định sẽ nhớ và hệ thống lại chi tiết số tiền nợ của các nguyên đơn cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án.

Tại bản tự khai đề ngày 29/11/2021, Bà NTMN khai: Phía nguyên đơn gồm các ông/bà: LTB, LQD, LTHN, NTHD, NTH, NVH, LTTH, DTV khởi kiện Bà NTMN ra Tòa án trước hết phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

Bà NTMN đề nghị Tòa án yêu cầu phía nguyên đơn xuất trình chứng cứ để chứng minh số tiền bà NTMN nợ phía nguyên đơn, không giải quyết vụ án chỉ căn cứ lời trình bày của phía nguyên đơn.

Vì làm ăn thất bại, bị một số thành viên khác hốt hụi mà không đóng và ảnh hưởng của dịch Covid nên hiện nay bà NTMN chưa có đủ tiền để trả nợ cho các hội viên dù đã cố gắng xoay sở, vay mượn nợ của nhiều người thân. Bà NTMN khẳng định nếu có thiếu nợ của ai thì sẽ cố gắng trả trong khả năng của mình nhưng yêu cầu người khởi kiện cung cấp chứng cứ để xác định lại số tiền hụi mà bà NTMN còn thiếu của họ cho đúng sự thật.

Đồng thời, bà NTMN đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà NTMN trong tất cả các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, đối chất, xét xử của Tòa án và xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai bổ sung đề ngày 15/4/2022, Bà NTMN khai: Bà NTMN đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn do bà NTMN không có nợ số tiền theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và phía nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ hợp pháp để chứng minh bà NTMN có nợ nguyên đơn số tiền theo yêu cầu khởi kiện.

Bà NTMN đề nghị Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của bà NTMN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTTH: Vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T3: Vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTHM trình bày:

Bà NTHM là vợ của nguyên đơn ông LTB. Năm 2021, Ông LTB có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà ông LTB sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (1.986.500.000đồng) là tiền riêng của ông LTB.

Nay ông LTB khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà NTHM không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho ông Bình.

Đồng thời, bà NTHM kính đề nghị quý Tòa cho bà NTHM được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTHN trình bày:

Bà NTHN là vợ của nguyên đơn ông LQD. Năm 2021, ông LQD có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà ông LQD sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (549.200.000đồng) là tiền riêng của ông LQD.

Nay ông LQD khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà NTHN không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho ông LQD.

Đồng thời, bà NTHN kính đề nghị quý Tòa cho bà NTHN được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TTS trình bày:

Ông TTS là chồng của nguyên đơn bà LTHN.

Năm 2021, Bà LTHN có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà bà LTHN sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (2.059.000.000đồng) là tiền riêng của bà LTHN.

Nay Bà LTHN khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, Ông TTS không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho bà LTHN.

Đồng thời, Ông TTS kính đề nghị quý Tòa cho ông Sơn được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông TMQ trình bày:

Ông TMQ là chồng của nguyên đơn bà NTHD.

Năm 2021, Bà NTHD có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Vào kỳ hụi thứ 6 và kỳ hụi thứ 7, bà NTHD có nhờ ông TMQ chuyển hội tiền hụi cho bà NTMN thông qua tài khoản Ngân hàng của ông TMQ, số tài khoản là 1014759404 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - Phòng giao dịch A . Số tiền mà bà NTHD sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (179.400.000đồng) là tiền riêng của bà NTHD .

Nay bà NTHD khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, ông TMQ

không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho bà NTHD .

Đồng thời, ông TMQ kính đề nghị quý Tòa cho ông TMQ được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông BTT trình bày:

Ông BTT là chồng của nguyên đơn bà NTH.

Năm 2021, Bà NTH có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà bà NTH sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (106.300.000đồng) là tiền riêng của bà NTH .

Nay bà NTH khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Tuấn Tú không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho bà NTH .

Đồng thời, ông BTT kính đề nghị quý Tòa cho ông BTT được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà TTMD trình bày:

Bà TTMD là vợ của nguyên đơn ông NVH.

Năm 2021, Ông NVH có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà ông NVH sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (150.000.000đồng) là tiền riêng của ông Hiếu.

Nay Ông NVH khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà TTMD không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho ông NVH.

Đồng thời, bà TTMD kính đề nghị quý Tòa cho bà Dung được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông A.B.A trình bày:

Ông A.B.A là chồng của nguyên đơn Bà LTTH .

Năm 2021, Bà LTTH có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà bà LTTH sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (272.800.000đồng) là tiền riêng của bà Hà.

Nay bà LTTH khởi kiện bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, Ông A.B.A không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho bà LTTH.

Đồng thời, Ông A.B.A kính đề nghị quý Tòa cho ông Ali được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HTN trình bày:

Bà HTN là vợ của nguyên đơn ông DTV.

Năm 2021, ông DTV có tham gia chơi dây hụi của bà NTMN. Số tiền mà ông DTV sử dụng để đóng hụi cho bà NTMN (135.000.000đồng) là tiền riêng của ông DTV.

Nay ông DTV khởi kiện Bà NTMN, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà NTMN trả lại toàn bộ số tiền hụi đã đóng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, Bà HTN không có ý kiến gì khác và kính đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà NTMN phải trả tiền cho bà Hà.

Đồng thời, bà HTN kính đề nghị quý Tòa cho bà Nhịn được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án sơ thẩm đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tiến hành việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn bà NTMN có người đại diện theo ủy quyền là ông BPT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTTH, ông T3 vẫn vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTHM, bà NTNH, ông TTS, ông TMQ, ông BTT, bà TTMD, ông A.B.A và bà HTN có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 461/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV.

1.1. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông LTB số tiền hụi đã nhận là 1.986.500.000đồng.

1.2. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông LQD số tiền hụi đã nhận là 549.200.000đồng.

1.3. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà LTHN số tiền hụi đã nhận là 2.059.000.000đồng.

1.4. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà NTHD số tiền hụi đã nhận là 179.700.000đồng.

1.5. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà NTH số tiền hụi đã nhận là 106.300.000đồng.

1.6. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông NVH số tiền hụi đã nhận là 150.000.000đồng.

1.7. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà LTTH số tiền hui đã nhận là 272.800.000đồng.

1.8. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông DTV số tiền hui đã nhận là 135.000.000đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 13/2022/QĐ- BPKCTT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Tòa án có quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

3. Về án phí: Bà NTMN phải chịu 113.438.500đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 56.719.250đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0038109 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2022, bà NTMN là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 19/9/2022, bà TTTH là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà NTMN giải trình nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung, cụ thể:

- Nguyên đơn không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị đơn nợ các nguyên đơn số tiền 5.438.500.000đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý và giải quyết. Hơn nữa, các nguyên đơn không có liên hệ gì với nhau, các giao dịch hoàn toàn khác nhau và độc lập với nhau nhưng vẫn được thụ lý giải quyết trong cùng 01 vụ án là trái pháp luật.

- Mặc dù các nguyên đơn không xuất trình chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm về nội dung.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 với nội dung: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 114 và Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự đối với tài sản của bà NTMN là trái với quy định pháp luật. Bởi lẽ:

+ Thứ nhất, không có chứng cứ chứng minh thiệt hại xảy ra cho phía nguyên đơn để áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của bị đơn vì nguyên đơn không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn. Mặt khác, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại khoản 1 Điều 111 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: *“1. Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 114 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong những trường hợp sau đây: d) Để đảm bảo việc giải quyết vụ án hoặc thi hành án, tức là **làm cho chắc chắn các căn cứ để giải quyết vụ án**, các điều kiện để khi bản án, quyết định của Tòa án được thi hành có đầy đủ điều kiện thi hành án”*. Thế nhưng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 5.438.500.000đồng thì lại không có chứng cứ hợp pháp nào chứng minh phía bị đơn có nợ nguyên đơn, số tiền nguyên đơn yêu cầu là do nguyên đơn tự đưa ra, không có chứng cứ rõ ràng và phía đơn chưa thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 114 và Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Thứ hai, về phạm vi giá trị tài sản bị phong tỏa là rất lớn so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng cộng là 5.438.500.000đồng nhưng giá trị tài sản phong tỏa 03 phần nhà đất của bị đơn là hơn 30 tỷ đồng, mỗi phần là riêng biệt có giá trị hơn 10 tỷ đồng. Nếu cần thiết thì chỉ cần phong tỏa 01 phần nhà đất của bị đơn cũng có giá trị cao hơn giá trị mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, việc phong tỏa 03 phần nhà đất của bị đơn là vi phạm tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP, cụ thể là Tòa án chỉ được phong tỏa tài khoản, tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ phải thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xác định giá trị tài sản phong tỏa trước khi phong tỏa mà chỉ dựa vào yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn để áp dụng là trái với quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP.

+ Thứ ba, vi phạm về nghĩa vụ đóng tiền bảo đảm khi yêu cầu phong tỏa tài sản. Theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP quy định về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm thì Thẩm phán phải dự kiến và tạm tính thiệt hại có tính chất tương đối thiệt hại thực tế có thể xảy ra nhưng không thấp hơn 20% giá trị tạm tính của tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm khi ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm

thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 đã cho nguyên đơn đóng số tiền bảo đảm không đúng quy định, không có văn bản để tính dự kiến thiệt hại thực tế có thể xảy ra.

+ Thứ tư, bị đơn không có tẩu tán tài sản. Trước khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án, bị đơn có thể chấp nhà đất cho Ngân hàng và đến thời hạn trả nợ phía bị đơn không có khả năng trả cho Ngân hàng nên phía bà Hồng đứng ra mua nhà đất của bị đơn để bị đơn có tiền trả nợ Ngân hàng, việc mua bán chuyển nhượng giữa bị đơn với bà TTTH là hoàn toàn hợp pháp và bị đơn không có hành vi tẩu tán tài sản.

Với những lý do và căn cứ nêu trên, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo .

Các đương sự không có phương án hòa giải.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Lý do kháng cáo bà NTMN đưa ra hoàn toàn không thể hiện đúng sự thật khách quan của vụ án, chủ yếu mang tính bao biện nhằm trốn tránh trách nhiệm đối với nguyên đơn. Bởi lẽ:

Thứ nhất, bà NTMN cho rằng không có chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ nhằm chứng minh việc các nguyên đơn có tham gia vào đây hội do bà NTMN tổ chức, có đóng tiền hội cho bà NTMN. Cụ thể là các ông bà các đương sự LTTH, LQD, NTH, NTHD, NVH cũng cung cấp được các chứng từ chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng có nội dung thể hiện là đóng hội cho bà NTMN tương ứng với từng kỳ hội. Các chứng từ ngân hàng do các đương sự cung cấp thể hiện việc chuyển tiền cho bà NTMN đều được chuyển thống nhất vào cùng một số tài khoản ngân hàng là 192691729 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch A . Lời khai của các nguyên đơn đều thống nhất với nhau về cách chơi hội, cách thức đóng hội cho bà NTMN. Những chứng cứ này đều rất xác đáng và không thể chối cãi.

Trong khi đó, lời khai của bà NTMN thể hiện sự mâu thuẫn cụ thể tại Bản trình bày ý kiến ngày 02/11/2021 có đoạn bà NTMN thừa nhận “Ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV là các hội viên, có tham gia đây hội do tôi làm chủ hội và tôi thừa nhận là mình còn thiếu nợ tiền hội của những người này, nhưng số tiền chính xác bao nhiêu thì tạm thời tôi chưa nhớ được”; đến ngày 29/11/2021 thì phía bị đơn lại tiếp tục nộp bản tự khai ngày 29/11/2021 phủ nhận toàn bộ nội dung trước đó mà yêu

cầu phía nguyên đơn phải cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Khi được Tòa cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ để làm rõ và đối chất với nguyên đơn thì phía bà NTMN và người đại diện theo ủy quyền không đến Tòa án.

Do đó, căn cứ các chứng từ chuyển tiền ngân hàng, lời khai của các nguyên đơn trùng khớp với nhau, trùng khớp với bản trình bày ý kiến ngày 02/11/2021 của bà NTMN nên lời khai của những người cùng chơi hội này được xem là chứng cứ quy định tại khoản 5 Điều 95 BLTTDS năm 2015.

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền hội đã đóng với số tiền hơn 5.438.500.000 đồng, theo lẽ thông thường nếu bị đơn không đồng ý thì có quyền phản đối với yêu cầu này của nguyên đơn nội dung này được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ Luật TTDS năm 2015. Trong vụ án này, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn đã không cung cấp và từ bỏ quyền của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định chủ hội có nghĩa vụ phải lập và giữ sổ hội (trừ trường hợp có thỏa thuận khác) và điểm b khoản 2 Điều 12 quy định nội dung sổ hội phải có thông tin về ngày góp họ, số tiền đã góp họ của từng thành viên. Bên cạnh đó, Điều 13 Nghị định 19/2019/NĐ-CP thì các thành viên khi góp hội không bắt buộc phải có giấy biên nhận tiền từ chủ hội, đây là quyền của các hội viên có thể yêu cầu lập hoặc không lập. Điều này cho thấy, chủ hội là bên có nghĩa vụ lập, giữ sổ hội.

Việc bị đơn, từ chối cung cấp danh sách số tiền hội viên đã đóng là không phù hợp với quy định của pháp luật về Hội, hội, biểu, phường nên các bất lợi bị đơn phải chấp nhận. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử căn cứ vào các chứng cứ phía nguyên cung cấp buộc bà NTMN có nghĩa vụ thanh toán tiền hội cho nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Thứ hai, bà NTMN cho rằng mình không tẩu tán tài sản và việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án là mâu thuẫn hoàn toàn với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

+ Tháng 4/2021, bà NTMN đã bỏ đi khỏi nơi cư trú (Theo xác nhận của Công an xã tại Biên bản xác minh ngày 18/10/2021);

+ Ngày 08/10/2021, bà NTMN đến tại Văn phòng công chứng NVM để chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho bà Hồng, tổng giá trị chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng. Gồm:

(i) Hợp đồng mua bán nhờ ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 005638TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2021;

(ii) Hợp đồng mua bán nhờ ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 005639TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2021;

(iii) Hợp đồng mua bán nhờ ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 005640TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/10/2021.

Khi nguyên đơn phát hiện việc bà NTMN tẩu tán tài sản đã làm Đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Tòa án nhân dân huyện A, trong

thời hạn luật định, Tòa án nhân dân huyện A đã tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng NVM; Công an nơi bà NTMN đăng ký thường trú và mời bà NTMN lên Tòa làm việc. Việc Tòa xác định giá trị để nguyên đơn đóng tiền bảo đảm là dựa trên giá bà NTMN chuyển nhượng cho bà Hồng. Tất cả trình tự thủ tục ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đều được thực hiện công khai minh bạch, đúng pháp luật.

+ Ngay khi việc sang nhượng tài sản bị ngăn chặn, anh chị em chồng bà NTMN (trong đó có bà Hồng) đã khởi kiện vụ án tranh chấp nợ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A tuyên buộc bà NTMN phải trả cho chị em bà Hồng số tiền là 25.300.000.000 đồng (vụ án thụ lý trong vòng 21 ngày từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận thành). Hiện quyết định hòa giải thành này đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị.

Liên tục bà NTMN, bà Hồng xảy ra nhiều sự kiện pháp lý, các sự kiện này đều bất lợi cho nguyên đơn, việc bỏ trốn và chuyển tài sản cho người thân cho thấy dấu hiệu của hành vi chiếm đoạt tài sản, ý thức chiếm đoạt tài sản của bà NTMN là rất rõ ràng nên ngày 19/11/2021, Tòa án nhân dân huyện A có Công văn số 616/TAHHM về chuyển đơn đề nghị làm rõ hành vi có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Huyện A thụ lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên, Công an huyện A không khởi tố vụ án, do Bà NTMN đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên chưa làm rõ dấu hiệu chiếm đoạt. Đó là lý do, nguyên đơn phải kiện vụ kiện đến thời điểm này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của mình bị đơn chỉ cung cấp bản trình bày ý kiến mà không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác, không tham gia phiên tòa và không có cơ sở xác định chữ ký trong đơn kháng cáo có phải của bà NTMN hay không, việc kháng cáo chỉ với mục đích kéo dài vụ án, giúp cho bị đơn thoái thác nghĩa vụ trả tiền cho các hội viên.

Về kháng cáo của bà TTTH:

Trong vụ án Tranh chấp Hội, bà Hồng được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do sau khi bà NTMN tuyên bố vỡ hội, bỏ khỏi nơi cư trú thì bà NTMN có chuyển nhượng cho bà Hồng (em chồng của bà NTMN) toàn bộ tài sản bà NTMN đang đứng tên chủ sở hữu tại 17/1 khu phố 8, Thị trấn M, Huyện A, TPHCM (hơn 2.400m² đất) tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Một. Khi các hội viên phát hiện việc tẩu tán tài sản này nên các hội viên đã khởi kiện vụ án và đề nghị Tòa án nhân dân huyện A ban hành quyết định khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn việc chuyển dịch tài sản từ bà NTMN sang bà Hồng.

Đối với vụ án này, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà TTTH được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không tham gia, không có văn bản trình bày ý kiến và không có bất cứ yêu cầu nào liên quan đến việc tranh chấp Hội giữa nguyên đơn và bị đơn. Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 641/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A chỉ giải quyết duy nhất quan hệ tranh chấp hội giữa nguyên đơn và bà NTMN, xuyên suốt nội dung bản án không có nội dung nào liên quan đến bà TTTH và bà TTTH không yêu cầu Tòa cấp sơ thẩm giải quyết bất cứ yêu cầu nào mà bà cho rằng có ảnh hưởng đến quyền và

lợi ích hợp pháp của bà. Đồng thời, việc kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới so với phiên tòa sơ thẩm nên việc bà Hồng kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án là không có cơ sở để xem xét.

Từ những nội dung trên, cho thấy kháng cáo của bà NTMN và bà Hồng hoàn toàn không có cơ sở để chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án khách quan, đúng pháp luật, hợp tình hợp lý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật TTDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà Hồng và bà Hồng, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tuyên xử: Không chấp kháng cáo của bị đơn Bà NTMN và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà TTTH, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 461/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà NTMN, bà Hồng làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn ông LTB vắng mặt.

Bị đơn bà NTMN vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông BPT vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTTH, bà NTHM, bà NTHN, ông TTS, ông TMQ, ông BTT, bà TTMD, ông A.B.A và bà HTN có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T3 vắng mặt.

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà NTMN, bà Hồng đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông LTB, Ông LQD, Bà LTHN, Bà NTHD, Bà NTH, Ông NVH, Bà LTTH và Ông DTV trình bày cùng tham gia chung một dây hụi do Bà NTMN tổ chức và là chủ hụi. Đây là dây hụi có lãi và hụi hưởng hoa hồng. Chu kỳ của dây hụi là 12 tháng (Âm lịch) tương ứng với 12 kỳ mở hụi, mỗi kỳ mở hụi vào mùng 10 Âm lịch mỗi tháng. Kỳ mở hụi đầu tiên bắt đầu từ ngày 21/02/2021 (tháng 01 Âm lịch). Đến tháng 06/2021, bà NTMN bắt đầu tìm các lý do để không cho người chơi lĩnh hụi, còn những người chưa muốn lĩnh hụi thì bà NTMN không thông báo gì, ai đóng hụi vẫn nhận tiền bình thường. Từ ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi.

Tại bản ý kiến đề ngày 02/11/2021, bị đơn bà NTMN cũng thừa nhận nguyên đơn ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV là các thành viên tham gia dây hụi do bà NTMN làm chủ hụi. Bà NTMN thừa nhận có thiếu nợ tiền hụi của nguyên đơn nhưng số tiền chính xác bao nhiêu thì chưa nhớ được.

Do các bên đương sự cùng thừa nhận việc nguyên đơn ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV tham gia dây hụi do bị đơn bà NTMN làm chủ hụi nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu của đồng nguyên đơn trong cùng 01 vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2.1.2] Tại Vi bằng số: 238/2022/ViB-TPL.LA do Văn phòng Thừa phát lại Long An lập ngày 03/6/2022, phát hành ngày 08/6/2022 thể hiện ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV đã cung cấp lời khai, lời trình bày về việc cách thức, nguyên tắc hoạt động của dây hụi do bà NTMN làm chủ hụi cũng như quá trình đóng hụi, thời điểm bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán.

Ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV cùng xác định trong quá trình tham gia dây hụi thì bà NTMN tự lập và giữ sổ hụi, các thành viên không ký xác nhận vào sổ hụi và bà NTMN không cho các thành viên xem, sao chụp sổ hụi, không lập giấy biên nhận góp hụi, lĩnh hụi cho các thành viên.

Bà NTMN với tư cách là người tổ chức và là chủ dây hụi, có nghĩa vụ phải lập, giữ sổ hụi, cho các thành viên xem, sao chụp sổ hụi và lập giấy biên nhận góp hụi, lĩnh hụi cho các thành viên. Cho đến nay, bà NTMN vẫn không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đóng hụi, lĩnh hụi cụ thể của từng nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bà NTMN không có thiện chí, không tích cực khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn.

Tại văn bản ý kiến đề ngày 02/11/2021, bà NTMN thừa nhận là mình có thiếu nợ tiền hụi của những người này, nhưng số tiền chính xác bao nhiêu thì tạm thời chưa nhớ được. Bà NTMN đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để nhớ

và hệ thống lại chi tiết số tiền nợ của nguyên đơn cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án.

Xác minh tại Công an thị trấn M thể hiện bà NTMN có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 17/1, tổ 71, khu phố 8, thị trấn M, huyện A, thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng cả hộ gia đình không sinh sống tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ từ tháng 04 năm 2021 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 14 và khoản 1, khoản 6 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường thì chủ hội có nghĩa vụ: *“Thông báo cho các thành viên về nơi cư trú mới trong trường hợp có sự thay đổi; Gửi thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc tổ chức đây hội”*. Ngoài ra đương sự còn có nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 7 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà NTMN không thực hiện các quy định này; bà NTMN và người đại diện theo ủy quyền là ông BPT đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Bà NTMN đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là có cơ sở. Cụ thể:

- Ông LTB đăng ký tham gia 29 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng, đã đóng hội cho bà NTMN tổng số tiền là 1.986.500.000đồng và chưa được lĩnh hội.

- Ông LQD đăng ký tham gia 08 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng, đã đóng hội cho bà NTMN tổng số tiền là 549.200.000đồng và chưa được lĩnh hội.

- Bà LTHN đăng ký tham gia 30 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng, đã đóng hội cho bà NTMN tổng số tiền là 2.059.000.000đồng và chưa được lĩnh hội.

- Bà NTHD tham gia 03 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng, đã đóng hội cho bà NTMN tổng số tiền là 179.400.000đồng và chưa được lĩnh hội.

- Bà NTH đăng ký tham gia 04 phần, mỗi phần hội là 10.000.000đồng, đã đóng hội cho bà NTMN tổng số tiền là 175.700.000đồng. Bà NTMN đã trả cho bà NTH tiền lĩnh hội đối 01 phần hội với số tiền là 67.400.000 đồng, 03 phần hội còn lại bà NTH chưa được lĩnh hội. Số tiền lĩnh hội được tính như sau: 20.000.000đồng (tiền lĩnh hội kỳ 1, kỳ 2) + 8.400.000 đồng x 9 (số tiền lĩnh hội 9 kỳ)] - 3.000.000 đồng (tiền hoa hồng chủ hội) - 25.200.000 đồng (tiền hội 03 phần còn phải đóng kỳ 3) = 67.400.000 đồng. Tổng số tiền hội bà NTH đã đóng cho bà NTMN là 175.700.000 đồng - 67.400.000 đồng = 108.300.000đồng, tuy nhiên bà NTH chỉ yêu cầu số tiền 106.300.000đồng.

- Ông NVH tham gia 03 phần, mỗi phần hui là 10.000.000đồng, đã đóng hui cho bà NTMN tổng số tiền là 178.900.000đồng và chưa được lĩnh hui, tuy nhiên ông NVH chỉ yêu cầu số tiền 150.000.000đồng.

- Bà LTTH xác định đăng ký tham gia 04 phần, mỗi phần hui là 10.000.00đồng, đã đóng hui cho bà NTMN tổng số tiền là 272.800.000 đồng và chưa được lĩnh hui.

- Ông DTV xác định đăng ký tham gia 03 phần, mỗi phần hui là 10.000.000đồng, đã đóng hui cho bà NTMN tổng số tiền là 135.000.000đồng và chưa được lĩnh hui.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hui cho bị đơn nhưng bị đơn đã tự ý chấm dứt dây hui trước kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ của chủ hui. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 13 và Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hui đã nhận là có cơ sở. Kháng cáo của bà NTMN, bà Hồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà NTMN, bà TTTH yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập bà NTMN và người đại diện theo ủy quyền của bà NTMN là ông BPT đến Tòa để giải quyết vụ án, giải quyết các nội dung bà NTMN trình bày nhưng bà NTMN và ông Thạch không đến, không chấp hành các quy định theo Điều 70 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Bà NTMN không cung cấp địa chỉ mới để Tòa án triệu tập, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến và yêu cầu của mình, không tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Theo trình bày của nguyên đơn thì khoảng tháng 6/2021, bà NTMN đã bắt đầu tìm nhiều lý do như dịch bệnh khó khăn, không cho lĩnh hui đối với những người đăng ký lĩnh hui, còn những người chưa muốn lĩnh hui thì bà NTMN không thông báo gì, ai đóng hui vẫn nhận tiền bình thường. Đến ngày 01/10/2021, bà NTMN tuyên bố mất khả năng thanh toán và cắt toàn bộ liên lạc với toàn bộ người chơi.

Các bản tự khai và trình bày ý kiến bà NTMN gửi có nội dung mâu thuẫn với nhau như: Bản ý kiến ngày 02/11/2021 bà NTMN thừa nhận có làm chủ hui và thiếu nợ hui ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV nhưng đến ngày 15/4/2022 bà NTMN trình bày không nợ tiền các nguyên đơn.

Mặc dù có sự mâu thuẫn về tiền hui với các nguyên đơn nhưng ngày 08/10/2021 tại Văn phòng công chứng NVM, bà NTMN đã tiến hành chuyển nhượng 03 phần đất gồm: Phần đất có diện tích 100 m², thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 12, tại thị trấn M, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh; Phần đất có diện tích 203,2 m², thuộc thửa đất 1566, tờ bản đồ số 10, tại thị trấn M, huyện A, TP Hồ Chí Minh; Phần đất có diện tích 2112,6 m², thuộc thửa đất số 301, tờ bản

đồ số 12, tại thị trấn M, huyện A, thành phố Hồ Chí Minh cho Bà TTTH. Từ đó, có cơ sở cho thấy bà NTMN chuyển nhượng đất cho bà Hồng nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán cho các hui viên.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 với nội dung: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 114 và Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự đối với 03 nhà đất nêu trên của bà NTMN là có cơ sở.

Bà NTMN, bà Hồng kháng cáo cho rằng phạm vi giá trị tài sản bị phong tỏa là rất lớn so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đơn khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hui đã đóng tổng cộng là 5.438.500.000đồng nhưng giá trị tài sản phong tỏa 03 phần nhà đất của bị đơn là hơn 30 tỷ đồng, mỗi phần là riêng biệt có giá trị hơn 10 tỷ đồng. Xét, tại các hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số 005638/TP/CC-SCC/HĐGD, 005639/TP/CC-SCC/HĐGD 005640/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà NTMN với bà Hồng cùng ngày 08/10/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Một thì tổng giá nhà đất mà các bên thỏa thuận mua bán chuyển nhượng chỉ có giá trị 03 tỷ đồng, giá trị này thấp hơn so với giá trị mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, kháng cáo của bà NTMN cho rằng phạm vi giá trị tài sản bị phong tỏa rất lớn so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Mặt khác, để tạo điều kiện cho bà NTMN trả nợ thì phía nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 đối tài sản của bà NTMN là phần đất diện tích 203,2m² thuộc thửa 1566, tờ bản đồ số 10, thị trấn M, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định số 13/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09 tháng 3 năm 2022 hủy bỏ một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 đối với phần diện tích đất nêu trên thì phía bà NTMN vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui cho nguyên đơn.

Bà NTMN, bà Hồng còn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2021 đã cho nguyên đơn đóng số tiền bảo đảm không đúng quy định. Xét, giá trị tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như đã nhận định tại phần trên là 03 tỷ đồng. Theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 quy định về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm thì Thẩm phán phải dự kiến và tạm tính thiệt có tính chất tương đối thiệt hại thực tế có thể xảy ra nhưng không thấp hơn 20% giá trị tạm tính của tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Như vậy, theo quy định trên thì dự kiến và tạm tính thiệt hại có thể xảy ra không được thấp hơn 600.000.000đồng (20% x 3 tỷ đồng). Tại Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPBD ngày 18/10/2021, Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm bổ sung số 09A/2021/QĐ-BPBD ngày 18/11/2021 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm bổ sung số 09B/2021/QĐ-BPBD ngày 01/12/2021; Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc nguyên đơn nộp tài sản bảo đảm với tổng số tiền là

940.000.000đồng và tại các chứng từ giao dịch hóa đơn số 10190160000002 ngày 19/10/2021, hóa đơn số 12080160000015 ngày 08/12/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành thì nguyên đơn đã nộp tổng số tiền 640.000.000đồng là tài sản bảo đảm. Như vậy, phía nguyên đơn đã nộp tài sản bảo đảm đúng với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP. Do đó, kháng cáo của bà NTMN, bà Hồng cho rằng nguyên đơn đóng số tiền bảo đảm không đúng quy định là không có cơ sở.

[2.3] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà NTMN, bà Hồng, chấp đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà NTMN, bà Hồng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phườg;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà NTMN, bà TTTH.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 461/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LTB, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV.

1.1. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông LTB số tiền hụi đã nhận là 1.986.500.000 (một tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng.

1.2. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông LQD số tiền hụi đã nhận là 549.200.000 (năm trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm nghìn) đồng.

1.3. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà LTHN số tiền hụi đã nhận là 2.059.000.000 (hai tỷ, không trăm năm mươi chín triệu) đồng.

1.4. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà NTHD số tiền hụi đã nhận là 179.400.000 (một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

1.5. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà NTH số tiền hui đã nhận là 106.300.000 (một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm nghìn) đồng.

1.6. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông NVH số tiền hui đã nhận là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

1.7. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho bà LTTH số tiền hui đã nhận là 272.800.000 (hai trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm nghìn) đồng.

1.8. Buộc bà NTMN phải có nghĩa vụ trả cho ông DTV số tiền hui đã nhận là 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 13/2022/QĐ- BPKCTT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Tòa án có quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà NTMN phải chịu 113.438.500 (một trăm mười ba triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông LTĐ, ông LQD, bà LTHN, bà NTHD, bà NTH, ông NVH, bà LTTH và ông DTV tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 56.719.250 (năm mươi sáu triệu, bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0038109 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà NTMN phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà NTMN đã nộp theo biên lai số AA/2021/0040095 ngày 22/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà NTMN đã nộp đủ.

Bà TTTH phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Hồng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0040096 ngày 22/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồng đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A, TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện A, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Huỳnh Tú